

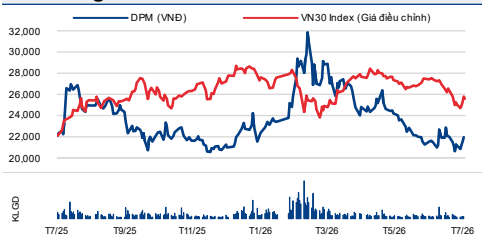
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ32,400
 Tiềm năng tăng/giảm: 46.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	22,050
Mã Bloomberg	DPM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,552-31,834
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	21,516
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	14,994
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	570
Slg CP lưu hành (tr.đv)	680
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	340
Slg CP NN được mua (tr.đv)	306
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.93%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	PVN (59.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	16,564	20,495	20,655
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,379	2,561	2,428
LNTT (tỷ đồng)	1,353	2,267	2,119
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,074	1,830	1,711
FCF (tỷ đồng)	(2,202)	2,347	1,054
EPS ĐC (đồng)	1,579	2,691	2,516
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	16,960	18,173	19,207
T.trưởng EBITDA (%)	82.3	85.8	(5.19)
T.trưởng EPS ĐC (%)	178	22.2	(6.51)
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.32	12.5	11.8
Tỷ suất LNTT (%)	8.17	11.1	10.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.48	8.93	8.28
Tỷ lệ LN trả CT (%)	68.1	55.7	59.6
Nợ thuần/VCSH (%)	28.2	15.3	12.6
ROAE (%)	9.46	15.3	13.5
ROACE (%)	8.90	17.4	15.2
EV/doanh thu (lần)	0.62	0.44	0.42
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.50	3.51	3.61
P/E ĐC (lần)	14.0	8.19	8.76
P/B (lần)	1.30	1.21	1.15
Lợi suất cổ tức (%)	6.80	6.80	6.80

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhà sản xuất và phân phối phân bón hàng đầu Việt Nam, chiếm 40% thị phần thị trường urea.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
 khanh.hp@hsc.com.vn
 +84 28 3823 3299 Ext. 369

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
 kim.thong@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4850

Q2/2026: KQKD vượt dự báo nhờ xuất khẩu urê tăng mạnh

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng mạnh 125% so với cùng kỳ (tăng 125% so với quý trước) đạt 906 tỷ đồng, cao hơn 49% so với dự báo 610 tỷ đồng của HSC, nhờ xuất khẩu urê tăng mạnh giúp thúc đẩy doanh thu cũng như tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể. Doanh thu thuần đạt 7 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ (tăng 24% so với quý trước).
- Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt 1.308 tỷ đồng (tăng 115% so với cùng kỳ) và doanh thu thuần tăng 34% đạt 12.609 tỷ đồng, bằng lần lượt 71% và 62% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu cả năm 2026 của HSC.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2026 đạt mức 23,8% (tăng từ 16,9% trong Q2/2025 và 16,7% trong Q1/2026), phản ánh việc ghi nhận các đơn hàng xuất khẩu được chốt ở mức giá thuận lợi trong đợt tăng giá urê gần đây. Lợi nhuận tài chính tăng cũng hỗ trợ thêm cho lợi nhuận.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 32.400đ (tiềm năng tăng giá 47%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

DPM công bố KQKD Q2/2026 ấn tượng với lợi nhuận thuần tăng mạnh 124,8% so với cùng kỳ (tăng 125,5% so với quý trước) đạt 906 tỷ đồng, cao hơn 49% so với dự báo 610 tỷ đồng của HSC. Công ty đạt được KQKD tích cực này là nhờ doanh thu thuần tăng mạnh 31,8% so với cùng kỳ (tăng 24,2% so với quý trước) đạt 6.986 tỷ đồng, cùng với khả năng sinh lời cải thiện đáng kể. Dựa trên dữ liệu của Agromonitor, HSC ước tính sản lượng xuất khẩu urê của DPM tăng hơn 290% so với cùng kỳ trong Q2/2026, qua đó trở thành động lực lợi nhuận chính trong quý; tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn chưa công bố chính thức cơ cấu sản lượng và doanh thu.

Tính chung nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần đạt 1.308 tỷ đồng (tăng 115% so với cùng kỳ) và doanh thu thuần tăng 33,8% đạt 12.609 tỷ đồng, bằng lần lượt 71% và 62% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu cả năm 2026 của HSC, cao hơn đáng kể so với kỳ vọng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, DPM

Lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng 125% so với cùng kỳ, đạt 906 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	5,301	6,986	31.8%	9,421	12,609	33.8%
Giá vốn hàng bán	(4,404)	(5,321)	20.8%	(7,869)	(10,003)	27.1%
Lợi nhuận gộp	897	1,665	85.6%	1,552	2,606	67.9%
Chi phí QL&BH	(455)	(726)	59.6%	(865)	(1,190)	37.6%
EBIT	442	939	112.3%	687	1,416	106.1%
Lợi nhuận tài chính	57	151	164.1%	63	188	200.5%
Lợi nhuận thuần	403	906	124.8%	608	1,308	115.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16.9%	23.8%		16.5%	20.7%	
Chi phí QL&BH / doanh thu	8.6%	10.4%		9.2%	9.4%	
Tỷ suất EBIT	8.3%	13.4%		7.3%	11.2%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	7.6%	13.0%		6.5%	10.4%	

Nguồn: DPM, HSC ước tính

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện mạnh nhờ giá urê thuận lợi

Lợi nhuận gộp Q2/2026 tăng mạnh 85,6% so với cùng kỳ (tăng 76,9% so với quý trước) đạt 1.665 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức tăng của doanh thu. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 23,8%, cao hơn 6,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ (từ 16,9% trong Q2/2025) và 7,1 điểm phần trăm so với quý trước (từ 16,7% trong Q1/2026). Mức cải thiện này có được là nhờ (1) Công ty ghi nhận các đơn hàng xuất khẩu được chốt ở mức giá thuận lợi trong đợt tăng giá urê gần đây; (2) giá urê trong nước duy trì vững; và (3) chính sách hoàn thuế GTGT đầu vào đối với phân bón tiếp tục được áp dụng (có hiệu lực từ tháng 7/2025). Trong nửa đầu năm 2026, tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 20,7% (so với 16,5% trong nửa đầu năm 2025).

Lợi nhuận tài chính tăng bù đắp cho mức tăng của chi phí bán hàng & quản lý

Lợi nhuận ròng tài chính tăng mạnh 164% so với cùng kỳ (gấp khoảng 4 lần quý trước) đạt 151 tỷ đồng, chủ yếu nhờ thu nhập lãi tiền gửi đã ghi nhận tăng 88% so với cùng kỳ đạt 178 tỷ đồng, phần nào bị bù trừ bởi chi phí lãi vay tăng lên 37 tỷ đồng (tăng 45% so với cùng kỳ).

Chi phí bán hàng & quản lý tăng khoảng 60% so với cùng kỳ (tăng khoảng 56% so với quý trước) lên 726 tỷ đồng, khiến tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu tăng từ 8,6% trong Q2/2025 lên 10,4%. Mức tăng này phản ánh tổng chi phí nhân sự tăng 45% so với cùng kỳ lên 154 tỷ đồng và chi phí vận chuyển & lưu kho tăng 10% lên 106 tỷ đồng. Việc ghi nhận khoảng 130 tỷ đồng chi phí nghiên cứu & phát triển trong chi phí bán hàng & quản lý trong Q2/2026 (so với chỉ 0,8 tỷ đồng trong Q2/2025 và không phát sinh trong Q1/2026) cũng góp phần làm chi phí tăng. Nếu loại trừ khoản này và các khoản mục không thường xuyên liên quan trong tất cả các kỳ, lợi nhuận tăng 151,4% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 124,8% theo báo cáo.

Tính chung nửa đầu năm 2026, lợi nhuận ròng tài chính đạt 188 tỷ đồng (tăng 200% so với cùng kỳ), trong khi chi phí bán hàng & quản lý tăng 37,6% lên 1.190 tỷ đồng, qua đó tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu nhìn chung ổn định ở mức 9,4% (so với 9,2% trong nửa đầu năm 2025).

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 32.400đ

Sau khi giá cổ phiếu tăng 2% trong 1 tháng qua nhưng giảm 11% trong 3 tháng, DPM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 9,1 lần, thấp hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ đầu năm 2023 ở mức 16,3 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 32.400đ, tương ứng tiềm năng tăng giá 47%. KQKD này cao hơn đáng kể so với kỳ vọng và HSC đang xem xét lại các dự báo liên quan, qua đó củng cố quan điểm tích cực của chúng tôi đối với DPM.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	13,496	16,564	20,495	20,655	20,655
Lợi nhuận gộp	1,898	2,939	4,502	4,146	4,004
Chi phí BH&QL	(1,540)	(1,929)	(2,388)	(2,178)	(2,186)
Thu nhập khác	4.46	18.0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	363	1,028	2,115	1,968	1,819
Lãi vay thuần	304	322	149	148	136
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	2.65	3.04	3.27	3.43	3.60
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	669	1,353	2,267	2,119	1,958
Chi phí thuế TNDN	(115)	(258)	(390)	(364)	(337)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(16.5)	(21.9)	(46.9)	(43.9)	(40.5)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	538	1,074	1,830	1,711	1,581
Lợi nhuận thuần ĐC	538	1,074	1,830	1,711	1,581
EBITDA ĐC	756	1,379	2,561	2,428	2,294
EPS (đồng)	791	2,202	2,691	2,516	2,325
EPS ĐC (đồng)	791	1,579	2,691	2,516	2,325
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	680	488	680	680	680
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	680	680	680	680	680
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	680	680	680	680	680

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,005	1,168	2,548	2,823	3,317
Đầu tư ngắn hạn	9,464	7,835	7,835	7,835	7,443
Phải thu khách hàng	653	1,390	1,362	1,494	1,533
Hàng tồn kho	1,731	3,434	3,008	3,244	3,533
Các tài sản ngắn hạn khác	367	683	611	661	712
Tổng tài sản ngắn hạn	13,220	14,510	15,364	16,057	16,539
TSCĐ hữu hình	1,942	1,818	1,910	2,007	2,109
TSCĐ vô hình	859	894	831	767	704
Bất động sản đầu tư	181	171	161	152	142
Đầu tư dài hạn	3.60	3.60	3.60	3.60	3.60
Đầu tư vào Cty LD,LK	30.6	31.8	31.8	31.8	31.8
Tài sản dài hạn khác	317	348	439	453	442
Tổng tài sản dài hạn	3,333	3,267	3,376	3,414	3,433
Tổng cộng tài sản	16,552	17,777	18,741	19,471	19,971
Nợ ngắn hạn	3,422	4,164	4,164	4,164	4,164
Phải trả người bán	691	671	924	917	902
Nợ ngắn hạn khác	811	844	688	615	598
Tổng nợ ngắn hạn	5,199	6,028	6,179	6,156	6,095
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	133	133	133	133	133
Nợ dài hạn khác	41.2	82.7	71.6	122	114
Tổng nợ dài hạn	174	215	204	255	247
Tổng nợ phải trả	5,372	6,244	6,383	6,410	6,342
Vốn chủ sở hữu	11,180	11,533	12,358	13,061	13,630
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	11,180	11,533	12,358	13,061	13,630
Tổng nợ phải trả và VCSH	16,552	17,777	18,741	19,471	19,971
BVPS (đ)	16,441	16,960	18,173	19,207	20,044
Nợ thuần/(tiền mặt)	2,417	2,996	1,616	1,341	847

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	363	1,028	2,115	1,968	1,819
Khấu hao	(394)	(351)	(447)	(461)	(475)
Lãi vay thuần	304	322	149	148	136
Thuế TNDN đã nộp	(115)	(258)	(390)	(364)	(337)
Thay đổi vốn lưu động	188	(3,061)	1,011	(390)	(449)
Khác	(186)	(454)	(426)	(270)	(215)
LCT thuần từ HKKD	948	(2,072)	2,905	1,552	1,430
Đầu tư TS dài hạn	(85.5)	(129)	(558)	(498)	(494)
Góp vốn & đầu tư	(17,258)	(19,079)	0	0	392
Thanh lý	0.52	2.82	0	0	0
Khác	13,535	21,286	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(3,808)	2,081	(558)	(498)	(102)
Cổ tức trả cho CSH	(801)	(587)	(1,020)	(1,020)	(1,020)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	5,068	8,381	52.8	241	186
Khác	(1,646)	(7,638)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,621	155	(967)	(779)	(834)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,242	1,005	1,168	2,548	2,823
LCT thuần trong kỳ	(240)	164	1,380	275	494
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.18	(0.40)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,005	1,168	2,548	2,823	3,317
Dòng tiền tự do	862	(2,202)	2,347	1,054	936

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.1	17.7	22.0	20.1	19.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.60	8.32	12.5	11.8	11.1
Tỷ suất LNT (%)	3.98	6.48	8.93	8.28	7.65
Thuế TNDN hiện hành (%)	17.2	19.0	17.2	17.2	17.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(0.54)	22.7	23.7	0.78	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	7.26	82.3	85.8	(5.19)	(5.54)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	3.52	99.7	70.4	(6.51)	(7.59)
Tăng trưởng EPS (%)	3.52	178	22.2	(6.51)	(7.59)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	3.52	99.7	70.4	(6.51)	(7.59)
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	253	68.1	55.7	59.6	64.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	4.73	9.46	15.3	13.5	11.8
ROACE (%)	3.13	8.90	17.4	15.2	13.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.90	0.97	1.12	1.08	1.05
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	2.61	(2.02)	1.37	0.79	0.79
Số ngày tồn kho	54.5	92.0	68.7	71.7	77.5
Số ngày phải thu	20.6	37.2	31.1	33.0	33.6
Số ngày phải trả	21.7	18.0	21.1	20.3	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	23.6	28.2	15.3	12.6	8.44
Nợ/tài sản (%)	22.0	24.9	23.7	23.0	22.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	4.81	3.21	1.73	1.84	1.95
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.54	2.41	2.49	2.61	2.71
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.60	0.62	0.44	0.42	0.42
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	7.50	3.51	3.61	3.80
P/E (lần)	27.9	10.0	8.19	8.76	9.48
P/E ĐC (lần)	27.9	14.0	8.19	8.76	9.48
P/B (lần)	1.34	1.30	1.21	1.15	1.10
Lợi suất cổ tức (%)	9.07	6.80	6.80	6.80	6.80

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn